TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày: 07-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 450/2023/TLST-DS ngày 17/10/2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST – DS ngày 24/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐHPT – ST ngày 07/02/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Đ; địa chỉ trụ sở: Số 198, đường Trần K, phường T, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê T hoặc bà Đặng M; chức vụ: Chuyên viên cao cấp xử lý nợ tố tụng khu vực Miền Nam; cùng địa chỉ: Số 859, đường Trần Đ, phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc ông Lê P; chức vụ: Chuyên viên cao cấp xử lý nợ địa bàn Miền nam. Ông T, bà M và ông P đều là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 30/6/2023. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn V, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: Tổ 1, ấp L, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 30/6/2023, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Đ ông Lê T trình bày:

Ngày 08/4/2022, Bà Nguyễn V và Ngân hàng Đ ký kết Hợp đồng cho vay từng lần số REF2209700354/HDTD/HMS-NTCV với nội dung chính như sau: Về Số tiền vay là 7.000.000.000 (bảy tỷ đồng); thời hạn cho vay: Kể từ ngày 09/4/2022 đến ngày 10/3/2057; mục đích vay: Mua bất động sản; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8,99%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn trên lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi lãi suất cơ sở do Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 08/4/2023, điều chỉnh sau đó vào ngày làm việc đầu tiên của quý liền kề tiếp theo. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng S đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,99%. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngân hàng đã giải ngân và bên vay đã nhận nợ số tiền 7.000.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản theo ủy nhiệm chỉ ngày 08/4/2022.

Ngoài ra theo Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 30/3/2022 giữa Ngân hàng SEABANK và bà Nguyễn V, bà V đã được cấp thẻ tín dụng với dư nợ gốc là 100.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay nói trên các bên đã ký thế chấp tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 540, tờ bản đồ số 28, diện tích 296,1m² trong đó đất ở tại đô thị: 235,8 m², đất trồng cây hàng năm khác 60,3 m² tọa lạc phường X, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY249435, số vào số cấp giấy chứng nhận CH08221 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/01/2015, cập nhật chuyển nhượng cho bà Nguyễn V ngày 07/4/2022. Việc thế chấp chấp đã đã được bà Nguyễn V và Ngân hàng S ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2209700354/HDTC/HMS-NTCV ngày08/4/2022, công chứng tại Văn Phòng công chứng A ngày 08/4/2022, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/4/2022.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nói trên, bà Nguyễn V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng S kể từ ngày11/2022. Ngân hàng S đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà Nguyễn V thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng bà V vẫn không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Qúa trình thực hiện hợp đồng bà V đã trả cho Ngân hàng S được số tiền 11.336.136 đồng nợ gốc và 319.621.543 đồng nợ lãi. Tính đến ngày 07/3/2024, bà V còn nợ Ngân hàng Đ với tổng số tiền 8.399.743.343 đồng (trong đó: nợ gốc

7.088.663.864 đồng; nợ lãi trong hạn 1.178.528.133 đồng; nợ lãi quá hạn 132.281.347 đồng).

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng S, Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Buộc bà Nguyễn V thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền vay tính đến hết ngày 07/3/2024 là 8.399.743.343 đồng (trong đó: nợ gốc 7.088.663.864 đồng; nợ lãi trong hạn 1.178.528.133 đồng; nợ lãi quá hạn 132.281.347 đồng).

Buộc bà V thanh toán cho Ngân hàng Đ các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số REF2209700354/HDTD/HMS-NTCV ngày 08/4/2022 với Ngân hàng Đ và Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 31/3/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kê từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu bà Nguyễn V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Đcó quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm sau đây của khoản vay để xử lý thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 540, tờ bản đồ số 28, diện tích 296, 1m² trong đó đất ở tại đô thị: 235,8 m², đất trồng cây hàng năm khác: 60,3 m² tọa lạc tại Phường X, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh Theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY249435, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH08221 do UBND Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/01/2015, cập nhật chuyển nhượng cho bà Nguyễn V ngày 07/4/2022.

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ, thì bà Nguyễn V vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho bị đơn lên tòa làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn. Tuy nhiên, bà V không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Bà V chỉ gửi đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà V trong suốt quá trình tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C tham gia phiên toà:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ tham gia phiên tòa theo quy định tại các điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng

dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì thêm.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định Ngân hàng thương mại được cấp tín dụng với hình thức cho vay và việc cho vay phải lập Hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 20/VBHN-NHNN ngày 22/5/2014 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn xác định ngày 08/4/2022, giữa nguyên đơn và bà V có ký hợp đồng Hợp đồng cho vay từng lần số REF2209700354/HDTD/HMS-NTCV và theo Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 30/3/2022 giữa Ngân hàng SEABANK và bà Nguyễn V, bà V đã được cấp thẻ tín dụng với dư nợ gốc là 100.000.000 đồng. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn V có địa chỉ tại tổ 1, ấp L, xã Phú An, thị xã C, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn bà Nguyễn V vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc thẻ tín dụng 8.688.167 đồng. Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử theo quy đinh tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung tranh chấp:

[5.1] Về yêu cầu thanh toán khoản vay: Theo hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số REF2209700354/HDTD/HMS-NTCV ngày 08/4/2022 do nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 08/4/2022, giữa nguyên đơn và bà V có ký kết hợp đồng tín dụng, theo đó bị đơn vay nguyên đơn số tiền 7.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay kể từ ngày 09/4/2022 đế ngày 10/3/2027, mục đích vay: Mua bất động sản. Ngoài ra, theo Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế giành cho khách hàng cá nhân ký ngày 31/3/2022, bà V

được Ngân hàng Đ cấp thẻ tín dụng với dư nợ tính đến ngày 07/3/2024 là 163.192.767 đồng.

Xét thấy, việc ký hợp đồng tín dụng là do các bên tự nguyên giao kết, không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Đkhởi kiện yêu cầu bà V thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi của các hợp đồng tín dụng với tổng số tiền tính đến ngày 07/3/2024 với số tiền là 8.399.473.343 đồng là có căn cứ chấp nhận, cụ thể đối với từng hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số REF2209700354/HDTD/HMS-NTCV ngày 08/4/2022 với tổng số tiền 8.236.280.576 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 6.988.663.864 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 1.178.528.133 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 69.088.580 đồng.

- Thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế giành cho khách hàng cá nhân ký ngày 31/3/2022 với tổng số tiền: 163.192.767 đồng.

+ Nợ gốc: 100.000.000 đồng.

+ Nợ lãi: 63.192.767 đồng.

Tiền lãi kể từ ngày 08/3/2024 được tính theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

[5.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Hội đồng xét xử nhận định: Để đảm bảo khoản vay của các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2209700354/HDTC/HMS-NTCV được công chứng, chứng thực ngày 08/4/2022 tại Văn phòng công chứng C và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 08/4/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, tài sản thế chấp là thửa đất số 540, tờ bản đồ số 28, diện tích 296,1m^2 tọa lạc phường X, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; mục đích sử dụng đất ở đô thị 235,8m^2, đất trồng cây hàng năm khác 60,3m^2 theo theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành BY249435, số vào sổ CH08221 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/4/2022 cho bà Nguyễn V. Xét thấy, nội dung của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định tại các Điều 293, Điều 294, Điều 295 và Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Căn cứ Điều 9 của Hợp đồng thế chấp ngày 08/4/2022 về quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng S, sự kiện vi phạm và xử lý sự kiện vi phạm. Do bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng Đ. Do vậy, căn cứ Điều 299 và Điều 323 Bộ

luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng Đ về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Đ không phải chịu. Bà Nguyễn V phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng Đ.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà V phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000 đồng. Số tiền này Ngân hàng đã đóng tạm ứng trước đó nên bà V phải hoàn lại cho Ngân hàng Đ số tiền 5000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 293, Điều 294, Điều 295, Điều 298, Điều 299; Điều 323 và Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Đ đối với bị đơn bà Nguyễn V về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn V phải trả cho Ngân hàng Đ số tiền tính đến ngày 07/3/2024 là 8.399.473.343 đồng (trong đó nợ gốc 7.088.663.864 đồng; nợ lãi trong hạn 1.178.528.133 đồng; nợ lãi quá hạn 132.281.347 đồng).

Kể từ ngày 08/3/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số REF2209700354/HDTD/HMS-NTCV ngày 08/4/2022 và Thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế giành cho khách hàng cá nhân ký ngày 31/3/20222.

2. Trường hợp bà V không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Đkhoản vay theo Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số REF2209700354/HDTD/HMS-NTCV ngày 08/4/2022, thì Ngân hàng Đcó quyền yêu cầu Chi cục thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là thửa đất số 540, tờ bản đồ số 28, diện tích 296,1m^2 tọa lạc phường X, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; mục đích sử dụng đất ở đô thị 235,8m^2, đất trồng cây hàng năm khác 60,3m^2 theo theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành BY249435, số vào sổ CH08221 do Ủy ban nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/4/2022.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp của bà V vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Đ, thì bà V có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng Đ cho đến khi trả hết nợ.

3. Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu trả số tiền nợ gốc đối với nợ gốc thẻ tín dụng số tiền 8.688.167 đồng.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền 5.000.000 đồng.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn V phải chịu 116.399.473 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Đ số tiền 57.781.289 (năm mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi mốt nghìn, hai trăm tám mươi chín) đồng tiền tạm ứng án phí nộp tại Biên lai thu số AA/2021/0012345 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hoa